



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

lui

tu

io

noi

esso

lei

cosa

loro

voi

perché

dove

chi

quando

quale

come

davvero

se

dopo

non

perché

ma

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tutto

quello

questo

qui

e

o

destra

sinistra

lì

la
mattina

il
pomeriggio

adesso

la
sera

la
mattina presto

la
notte

la
ora
l'ora

la
mezzanotte

il
mezzogiorno

il
giorno

il
secondo

il
minuto

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

il
anno
l'anno

il
mese

la
settimana

domani

oggi

ieri

mercoledì

martedì

lunedì

sabato

venerdì

giovedì

il
uomo
l'uomo

la
donna

domenica

la
ragazza

il
ragazzo

il
amore
l'amore

il
sesso

il
bacio

il
amico
l'amico

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

il
ragazzo

la
ragazza

il
bambino

la
madre

il
papà

la
mamma

il
figlio

i
genitori

il
padre

il
fratello minore

la
sorella minore

la
figlia

il
marito

il
fratello maggiore

la
sorella maggiore

sempre

ogni

la
moglie

già

di nuovo

in realtà

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

di più

il più

meno

fuori

molto

nessuno

vicino

lontano

dentro

di fianco

sopra

sotto

tutti

retro

fronte

la
primavera

altro

insieme

il
inverno
l'inverno

il
autunno
l'autunno

la
estate
l'estate

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

marzo

febbraio

gennaio

giugno

maggio

aprile

settembre

agosto

luglio

dicembre

novembre

ottobre

sud

est

nord

immediatamente

spesso

ovest

anche se

improvvisamente

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

due

uno

zero

cinque

quattro

tre

otto

sette

sei

undici

dieci

nove

quattordici

treddici

dodici

diciassette

sedici

quindici

venti

diciannove

diciotto

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

ventisei

ventidue

ventuno

trentatré

trentuno

trenta

quarantuno

quaranta

trentasette

cinquanta

quarantotto

quarantaquattro

cinquantanove

cinquantacinque

cinquantuno

sessantadue

sessantuno

sessanta

settantuno

settanta

sessantasei

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

ottanta

settantasette

settantatré

ottantotto

ottantaquattro

ottantuno

novantacinque

novantuno

novanta

centouno

cento

novantanove

centocinquantuno

centodieci

centocinque

duecentosei

duecentodue

duecento

trecento

duecentosessantadue

duecentoventi

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

trecentotrenta

trecentosette

trecentotré

quattrocentoquattro

quattrocento

trecentosettanta

quattrocentottantaquattro

quattrocentoquaranta

quattrocentotto

cinquecentonove

cinquecentocinque

cinquecento

seicento

cinquecentonovantacinque

cinquecentocinquanta

seicentosedici

seicentosei

seicentouno

settecentodue

settecento

seicentosessanta

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

settecentosettanta

settecentoventisette

settecentosette

ottocentootto

ottocentotré

ottocento

novecento

ottocentottanta

ottocentotrentotto

novecentoquarantanove

novecentonove

novecentoquattro

milleuno

mille

novecentonovanta

duemila

milleduecentotrentaquattro

milledodici

duemilatrecentoquarantacinque

duemilaventitré

duemiladue

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

quattromila

tremilatr 

tremila

cinquemilaseicentosettantotto

cinquemila

quattromilaquarantacinque

settemilaottocentonovanta

settemila

seimila

novemila

ottomilanovecentouno

ottomila

diecimilauno

diecimila

novemilanovanta

quarantaquattromila

trentamilatrecento

ventimilaventi

un milione

cinquecentomila

centomila

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

settanta milioni

dieci milioni

sei milioni

un miliardo

ottocento milioni

cento milioni

venti miliardi

dieci miliardi

nove miliardi

mille miliardi

trecento miliardi

cento miliardi

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

venire

vengo, essere venuto, venendo

pensare

penso, avere pensato, pensando

sapere

so, avere saputo, sapendo

trovare

trovo, avere trovato, trovando

prendere

prendo, avere/essere preso,
prendendo

mettere

metto, avere messo, mettendo

parlare

parlo, avere parlato, parlando

lavorare

lavoro, avere lavorato, lavorando

ascoltare

ascolto, avere ascoltato, ascoltando

aiutare

aiuto, avere aiutato, aiutando

piacere

piaccio, essere piaciuto, piacendo

dare

do, avere dato, dando

aspettare

aspetto, avere aspettato, aspettando

fare una telefonata

faccio, avere fatto, facendo

amare

amo, avere amato, amando

chiudere

chiudo, avere chiuso, chiudendo

sedere

siedo, essere seduto, seduto

stare in piedi

sto, essere stato, stando

vincere

vinco, avere vinto, vincendo

perdere

perdo, avere perduto, perdendo

aprire

apro, avere aperto, aprendo

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

accendere

accendo, avere acceso, accendendo

vivere

vivo, essere vissuto, vivendo

morire

muoio, essere morto, morendo

ferire

ferisco, avere ferito, ferendo

uccidere

uccido, avere ucciso, uccidendo

spegnere

spengo, avere spento, spegnendo

bere

bevo, avere bevuto, bevendo

guardare

guardo, avere guardato, guardando

toccare

tocco, avere toccato, toccando

incontrare

incontro, avere incontrato,
incontrando

camminare

cammino, avere camminato,
camminando

mangiare

mangio, avere mangiato, mangiando

seguire

seguo, avere/essere seguito,
seguendo

baciare

bacio, avere baciato, baciando

scommettere

scommetto, avere scommesso,
scommettendo

chiedere

chiedo, avere chiesto, chiedendo

rispondere

rispondo, avere risposto,
rispondendo

sposare

sposo, avere sposato, sposando

premere

premo, avere premuto, premendo

spingere

spingo, avere spinto, spingendo

tirare

tiro, avere tirato, tirando

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

combattere

combatto, avere combattuto,
combattendo

catturare

catturo, avere catturato, catturando

colpire

colpisco, avere colpito, colpendo

leggere

leggo, avere letto, leggendo

correre

corro, avere corso, correndo

lanciare

lancio, avere lanciato, lanciando

contare

conto, avere contato, contando

aggiustare

aggiusto, avere aggiustato,
aggiustando

scrivere

scrivo, avere scritto, scrivendo

comprare

compro, avere comprato, comprando

vendere

vendo, avere venduto, vendendo

tagliare

taglio, avere tagliato, tagliando

sognare

sogno, avere sognato, sognando

studiare

studio, avere studiato, studiando

pagare

pago, avere pagato, pagando

festeggiare

festeggio, avere festeggiato,
festeggiando

giocare

gioco, avere giocato, giocando

dormire

dormo, avere dormito, dormendo

sparare

sparo, avere sparato, sparando

pulire

pulisco, avere pulito, pulendo

godere

godo, avere goduto, godendo

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

rubare

rubo, avere rubato, rubando

attaccare

attacco, avere attaccato, attaccando

difendere

difendo, avere difeso, difendendo

volare

volo, avere/essere volato, volando

salvare

salvo, avere salvato, salvando

bruciare

brucio, avere bruciato, bruciando

mordere

mordo, avere morso, mordendo

calciare

calcio, avere calciato, calciando

sputare

sputo, avere sputato, sputando

piangere

piango, avere pianto, piangendo

odorare

odoro, avere odorato, odorando

respirare

respiro, avere respirato, respirando

ridere

rido, avere riso, ridendo

sorridere

sorrido, avere sorriso, sorridendo

cantare

canto, avere cantato, cantando

litigare

litigo, avere litigato, litigando

rimpicciolire

rimpicciolisco, avere rimpicciolito,
rimpicciolendo

crescere

cresco, essere cresciuto, crescendo

nascondere

nascondo, avere nascosto,
nascondendo

nutrire

nutro, avere nutrito, nutrendo

condividere

condivido, avere condiviso,
condividendo

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

saltare

salto, avere saltato, saltando

nuotare

nuoto, avere nuotato, nuotando

avvisare

avviso, avere avvisato, avvisando

consegnare

consegno, avere consegnato,
consegnando

scavare

scavo, avere scavato, scavando

sollevare

sollevo, avere sollevato, sollevando

viaggiare

viaggio, avere viaggiato, viaggiando

praticare

pratico, avere praticato, praticando

cercare

cerco, avere cercato, cercando

chiudere

chiudo, avere chiuso, chiudendo

aprire

apro, avere aperto, aprendo

dipingere

dipingo, avere dipinto, dipingendo

cucinare

cucino, avere cucinato, cucinando

pregare

prego, avere pregato, pregando

lavare

lavo, avere lavato, lavando

citare

cito, avere citato, citando

urlare

urlo, avere urlato, urlando

vomitare

vomito, avere vomitato, vomitando

guadagnare

guadagno, avere guadagnato,
guadagnando

calcolare

calcolo, avere calcolato, calcolando

stampare

stampo, avere stampato, stampando

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

poco

poca, pochi, poche

vecchio

vecchia, vecchi, vecchie

nuovo

nuova, nuovi, nuove

corretto

corretta, corretti, corrette

sbagliato

sbagliata, sbagliati, sbagliate

tanto

tanta, tanti, tante

contento

contenta, contenti, contente

buono

buona, buoni, buone

cattivo

cattiva, cattivi, cattive

piccolo

piccola, piccoli, piccole

lungo

lunga, lunghi, lunghe

corto

corta, corti, corte

giovane

giovane, giovani, giovani

bella

bello, bella, belli, belle

grande

grande, grandi, grandi

nero

nera, neri, nere

bianco

bianca, bianchi, bianche

vecchio

vecchia, vecchi, vecchie

verde

verde, verdi, verdi

blu

blu, blu, blu

rosso

rossa, rossi, rosse

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

veloce
veloce, veloci, veloci

lento
lenta, lenti, lente

giallo
gialla, gialli, gialle

giusto
giusta, giusti, giuste

ingiusto
ingiusta, ingiusti, ingiuste

divertente
divertente, divertenti, divertenti

ricco
ricca, ricchi, ricche

facile
facile, facili, facili

difficile
difficile, difficili, difficili

debole
debole, deboli, deboli

forte
forte, forti, forti

povero
povera, poveri, povere

orgoglioso
orgogliosa, orgogliosi, orgogliose

stanco
stanca, stanchi, stanche

sicuro
sicura, sicuri, sicure

sano
sana, sani, sane

malato
malata, malati, malate

sazio
sazia, sazi, sazie

alto
alta, alti, alte

basso
bassa, bassi, basse

arrabbiato
arrabbiata, arrabbiati, arrabbiate

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

morbido

morbida, morbidi, morbide

aspro

aspra, aspri, aspre

dolce

dolce, dolci, dolci

stupido

stupida, stupidi, stupide

carino

carina, carini, carine

duro

dura, duri, dure

alto

alta, alti, alte

occupato

occupata, occupati, occupate

pazzo

pazza, pazzi, pazze

sorpreso

sorpresa, sorpresi, sorprese

preoccupato

preoccupata, preoccupati,
preoccupate

basso

bassa, bassi, basse

intelligente

intelligente, intelligenti, intelligenti

cattivo

cattiva, cattivi, cattive

educato

educata, educati, educate

arancione

arancione, arancione, arancione

caldo

calda, caldi, calde

freddo

fredda, freddi, fredde

rosa

rosa, rosa, rosa

marrone

marrone, marroni, marroni

grigio

grigia, grigi, grigie

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

leggero
leggera, leggeri, leggere

pesante
pesante, pesanti, pesanti

noioso
noiosa, noiosi, noiose

assetato
assetata, assetati, assetate

affamato
affamata, affamati, affamate

solitario
solitaria, solitari, solitarie

piatto
piatta, piatti, piatte

ripido
ripida, ripidi, ripide

triste
triste, tristi, tristi

profondo
profonda, profondi, profonde

ampio
ampia, ampi, ampie

stretto
stretta, stretti, strette

sporco
sporca, sporchi, sporche

enorme
enorme, enormi, enormi

poco profondo
profonda, profondi, profonde

vuoto
vuota, vuoti, vuote

pieno
piena, pieni, piene

pulito
pulita, puliti, pulite

sexy
sexy, sexy, sexy

economico
economica, economici, economiche

costoso
costosa, costosi, costose

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

generoso

generosa, generosi, generose

coraggioso

coraggiosa, coraggiosi, coraggiose

pigro

pigra, pigri, pigre

forte

forte, forti, forti

asciutto

asciutta, asciutti, asciutte

bagnato

bagnata, bagnati, bagnate

piovoso

piovosa, piovosi, piovose

soleggiato

soleggiata, soleggiati, soleggiate

tranquillo

tranquilla, tranquilli, tranquille

nuvoloso

nuvolosa, nuvolosi, nuvolose

nebbioso

nebbiosa, nebbiosi, nebbiose

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

la
corsa

il
tennis

la
ginnastica

il
calcio

il
golf

il
ciclismo

la
immersione
l'immersione

il
nuoto

la
pallacanestro

il
triathlon

la
maratona

il
escursionismo
l'escursionismo

il
pugilato

il
sollevamento pesi

il
ping pong

lo
snowboard

il
pattinaggio artistico

il
badminton

il
hockey su ghiaccio
l'hockey su ghiaccio

lo
sci di fondo

lo
sci

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

il
beach volley

la
pallamano

la
pallavolo

il
baseball

il
cricket

il
rugby

i
tuffi

la
pallanuoto

il
football americano

il
canottaggio

la
vela

il
surf

il
paracadutismo

la
danza

lo
yoga

il
bowling

il
poker

gli
scacchi

la
danza classica

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

il
cavallo

la
mucca

il
maiale

la
scimmia

la
pecora

il
cane

il
pollo

il
orso
l'orso

il
gatto

la
ape
l'ape

la
farfalla

la
anatra
l'anatra

il
serpente

il
ragno

il
pesce

il
coniglio

il
topo

la
tigre

il
elefante
l'elefante

il
asino
l'asino

il
leone

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

la
zanzara

il
insetto
l'insetto

il
piccione

la
balena

la
formica

la
mosca

la
lumaca

il
delfino

lo
squalo

il
orso polare
l'orso polare

il
panda

la
rana

il
canguro

il
koala

il
lupo

il
ippopotamo
l'ippopotamo

la
volpe

la
giraffa

il
cigno

il
corvo

il
pipistrello

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

il
pinguino

il
gufo

il
gabbiano

la
libellula

il
bruco

il
pappagallo

il
cavalluccio marino

il
polpo

il
calamaro

il
granchio

la
medusa

la
foca

il
coccodrillo

la
tartaruga

il
dinosaurio

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

la
America
l'America

la
Asia
l'Asia

la
Europa
l'Europa

la
Spagna

il
Regno Unito

la
Africa
l'Africa

la
Francia

la
Italia
l'Italia

la
Svizzera

Singapore

la
Tailandia

la
Germania

Israele

il
Giappone

la
Russia

gli
Stati Uniti d'America

la
Cina

la
India
l'India

il
Cile

il
Canada

il
Messico

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

il
Sud Africa

la
Argentina
l'Argentina

il
Brasile

la
Libia

il
Marocco

la
Nigeria

il
Egitto
l'Egitto

la
Algeria
l'Algeria

il
Kenia

la
Australia
l'Australia

la
Nuova Zelanda

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

il
capello

il
naso

la
testa

il
occhio
l'occhio

il
orecchio
l'orecchio

la
bocca

il
cuore

il
piede

la
mano

il
fondoschiena

il
collo

il
cervello

la
gamba

il
ginocchio

la
spalla

il
seno

la
pancia

il
braccio

la
lingua

il
dente

la
schiena

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

il
dito del piede

il
dito

il
labbro

il
fegato

il
polmone

lo
stomaco

il
intestino
l'intestino

il
rene

il
nervo

la
guancia

il
mento

la
fronte

il
mignolo

il
pollice

la
barba

il
indice
l'indice

il
dito medio

il
anulare
l'anulare

la
spina dorsale

il
tallone

la
unghia
l'unghia

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

lo
scheletro

il
osso
l'osso

il
muscolo

la
vescica

la
vertebra

la
costola

la
vagina

la
arteria
l'arteria

la
vena

il
testicolo

il
pene

lo
sperma

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

il
bagno

la
cucina

la
porta

il
giardino

la
camera da letto

il
salotto

il
seminterrato

il
muro

il
garage

il
tetto

le
scale

il
gabinetto

la
tazza

il
coltello

la
finestra

la
tazza

il
piatto

il
bicchiere

la
scrivania

la
ciotola

il
bidone della spazzatura

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

la
doccia

lo
specchio

il
letto

il
orologio
l'orologio

la
foto

il
divano

il
vicino

la
sedia

il
tavolo

la
soffitta

il
balcone

il
ascensore
l'ascensore

la
bacchetta

il
cucchiaino di legno

il
camino

la
forchetta

il
cucchiaino

le
posate

la
padella

la
pentola

il
mestolo

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

la
tenda

la
libreria

la
lampadina

la
coperta

il
cuscino

il
materasso

il
armadio
l'armadio

il
cassetto

la
mensola

la
bilancia

la
scopa

il
secchio

il
asciugamano da bagno
l'asciugamano da bagno

la
vasca da bagno

il
cesto della biancheria

il
asciugamano
l'asciugamano

la
carta igienica

il
sapone

la
cassetta della posta

la
scala a pioli

il
lavandino

hàng rào



Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

il
latte

il
formaggio

il
uovo
l'uovo

il
osso
l'osso

la
carne

il
pesce

lo
zucchero

il
pane

il
olio
l'olio

la
torta

la
caramella

il
cioccolato

il
tè

il
caffè

la
acqua
l'acqua

la
insalata
l'insalata

il
vino

la
birra

la
colazione

il
dolce

la
zuppa

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

la
pizza

la
cena

il
pranzo

lo
yogurt

il
burro

il
gelato

il
prosciutto

il
salmone

il
tonno

il
tacchino

la
salsiccia

la
pancetta

il
maiale

il
manzo

il
pollo

il
fungo

la
zucca

il
agnello
l'agnello

il
porro

il
aglio
l'aglio

il
tartufo

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

la
patata dolce

la
melanzana

lo
zenzero

il
peperoncino

il
cetriolo

la
carota

la
patata

la
cipolla

il
pepe

i
broccoli

il
cavolo

il
cavolfiore

il
bambù

gli
spinaci

la
lattuga

il
pisello

il
sedano

il
mais

la
mela

la
pera

il
fagiolo

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

il
dattero

il
fico

la
oliva
l'oliva

la
nocciola

la
mandorla

il
cocco

il
mango

la
banana

la
arachide
l'arachide

la
ananas
l'ananas

il
avocado
l'avocado

il
kiwi

il
melone giallo

il
acino d'uva
l'acino d'uva

la
anguria
l'anguria

la
fragola

il
mirtillo

il
lampone

la
albicocca
l'albicocca

la
prugna

la
ciliegia

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

il
pompelmo

il
limone

la
pesca

la
menta

il
pomodoro

la
arancia
l'arancia

la
vaniglia

la
cannella

la
citronella

il
curry

il
pepe

il
sale

il
aceto
l'aceto

il
tofu

il
tabacco

la
farina

il
latte di soia

lo
spaghetto

il
grano

la
avena
l'avena

il
riso

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

il
miele

la
noce

la
soia

il
pancake

la
gomma da masticare

la
marmellata

il
muffin

il
budino

il
biscotto

il
succo d'arancia

la
bevanda energetica

la
ciambella

la
coca cola

il
frappè

il
succo di mela

il
rum

il
cocktail

la
cioccolata calda

il
menù

la
vodka

il
whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

il
sushi

gli
spaghetti

i
frutti di mare

le
ali di pollo

le
patatine

il
popcorn

la
maionese

la
senape

le
patatine fritte

il
hot dog
l'hot dog

il
sandwich

la
salsa di pomodoro

il
burger

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

i
compiti a casa

la
biblioteca

il
libro

le
scienze

la
lezione

il
esame
l'esame

la
penna

la
arte
l'arte

la
storia

il
secondo

il
primo

la
matita

la
ricerca

il
quarto

il
terzo

il
dizionario

il
campo sportivo

la
laurea

la
geometria

il
quaderno

il
semestre

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

la
economia
l'economia

la
filosofia

la
politica

la
matematica

la
biologia

la
educazione fisica
l'educazione fisica

la
chimica

la
letteratura

la
geografia

la
gomma da cancellare

il
righello

la
fisica

la
colla

il
nastro adesivo

le
forbici

il
tre per cento

la
graffetta

la
penna a sfera

il
metro cubo

lo
zero per cento

il
cento per cento

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

il
metro

il
miglio

il
metro quadrato

il
decimetro

il
centimetro

il
millimetro

la
moltiplicazione

la
sottrazione

la
addizione
l'addizione

il
volume

la
area
l'area

la
divisione

il
triangolo

il
quadrato

il
rettangolo

il
millilitro

il
litro

il
cerchio

il
grammo

il
chilogrammo

la
tonnellata

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

il
imbuto
l'imbuto

il
microscopio

il
magnete

la
lezione

il
laboratorio

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

il
diamante

il
fuoco

la
cenere

la
stella

il
sole

la
luna

il
lago

la
costa

il
pianeta

la
collina

il
deserto

la
foresta

la
valle

il
fiume

la
roccia

il
oceano
l'oceano

la
isola
l'isola

la
montagna

la
neve

il
ghiaccio

il
mare

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

il
vento

la
pioggia

la
tempesta

la
rosa

la
erba
l'erba

il
albero
l'albero

il
suolo

il
metallo

il
fiore

la
sabbia

il
carbone

la
lava

il
satellite

il
razzo

la
argilla
l'argilla

il
continente

lo
asteroide
l'asteroide

la
galassia

il
Polo Nord

il
Polo Sud

il
equatore
l'equatore

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

la
grotta

la
foresta pluviale

il
ruscello

il
ghiacciaio

la
riva

la
cascata

il
vulcano

il
cratere

il
terremoto

la
nebbia

la
inondazione
l'inondazione

la
atmosfera
l'atmosfera

il
fulmine

il
tuono

il
arcobaleno
l'arcobaleno

il
tifone

la
temperatura

il
temporale

il
ramo

la
nuvola

lo
uragano
l'uragano

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

il
tronco

la
radice

la
foglia

la
anidride carbonica
l'anidride carbonica

la
plastica

il
seme

lo
ossigeno
l'ossigeno

il
ferro

il
atomo
l'atomo

il
argento
l'argento

lo
oro
l'oro

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

il
treno

il
autobus
l'autobus

la
automobile
l'automobile

il
aereo
l'aereo

la
fermata dell'autobus

la
stazione

la
bicicletta

il
camion

la
nave

il
semaforo

il
taxi

la
moto

la
batteria

la
strada

il
parcheggio auto

il
volante

il
airbag
l'airbag

il
motore

il
bagagliaio

il
pneumatico

la
cintura

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

la
metropolitana

la
biglietteria

la
biglietteria automatica

il
tram

la
locomotiva

il
treno ad alta velocità

il
aeroporto
l'aeroporto

il
pulmino

lo
scuolabus

la
prima classe

il
elicottero
l'elicottero

la
linea aerea

il
giubbotto di salvataggio

la
business class

la
classe economica

la
nave da crociera

il
sottomarino

il
container

il
traghetto

lo
yacht

la
nave cargo

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

il
radar

la
scialuppa di salvataggio

il
porto

la
stazione di rifornimento

il
marciapiede

la
illuminazione stradale
l'illuminazione stradale

il
ingorgo stradale
l'ingorgo stradale

il
attraversamento pedonale
l'attraversamento pedonale

il
cantiere

la
scavatrice

il
carro armato

la
autostrada
l'autostrada

il
motorino

la
roulotte

il
trattore

la
funivia

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

la
casa

la
scuola

lo
ospedale
l'ospedale

il
supermercato

il
mercato

il
conto

la
fattoria

la
università
l'università

il
appartamento
l'appartamento

il
bar

il
ristorante

la
chiesa

il
gabinetto

il
parco

la
palestra

la
polizia

la
ambulanza
l'ambulanza

la
mappa

il
sobborgo

la
nazione

i
pompieri

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

il
centro commerciale

la
garanzia

il
villaggio

il
castello

il
grattacielo

la
farmacia

il
tempio

la
sinagoga

la
ambasciata
l'ambasciata

il
municipio

la
moschea

la
fabbrica

il
night-club

la
fontana

la
posta

lo
stadio

il
corso di golf

la
panchina

il
ufficio informazioni turistiche
l'ufficio informazioni turistiche

il
campo da tennis

la
piscina

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

il
museo

la
galleria d'arte

il
casinò

il
acquario
l'acquario

il
souvenir

il
parco nazionale

il
parco acquatico

le
montagne russe

lo
scivolo d'acqua

la
uscita di emergenza
l'uscita d'emergenza

il
parco giochi

lo
zoo

la
stazione di polizia

il
estintore
l'estintore

il
allarme antincendio
l'allarme antincendio

la
capitale

la
regione

lo
stato

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

la
chirurgia

il
paziente

il
incidente
l'incidente

la
tosse

la
febbre

la
pillola

la
sala d'attesa

la
terapia intensiva

il
pronto soccorso

la
data di scadenza

il
sonnifero

la
aspirina
l'aspirina

il
effetto collaterale
l'effetto collaterale

lo
sciroppo per la tosse

il
dosaggio

la
capsula

la
polvere

la
insulina
l'insulina

gli
antibiotici

il
antidolorifico
l'antidolorifico

la
vitamina

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chует rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

il
infarto
l'infarto

il
virus

il
batterio

lo
ictus
l'ictus

il
diabete

la
diarrea

la
influenza
l'influenza

il
cancro

il
asma
l'asma

il
mal di gola

la
scottatura

il
mal di denti

la
allergia
l'allergia

la
infezione
l'infezione

il
mal di stomaco

la
siringa

il
mal di testa

il
crampo

il
ecografo
l'ecografo

la
radiografia

la
stampella

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

il
gesso

la
sedia a rotelle

il
cerotto

la
emergenza
l'emergenza

la
lesione

il
polso

la
frattura

la
ustione
l'ustione

la
commozione cerebrale

il
test di gravidanza

la
pillola anticoncezionale

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

il
poliziotto

la
infermiera
l'infermiera

il
dottore

il
investigatore
l'investigatore

il
capitano

il
presidente

il
insegnante
l'insegnante

il
professore

il
pilota

il
assistente
l'assistente

la
segretaria

il
avvocato
l'avvocato

il
cuoco

il
dirigente

il
giudice

il
modello

il
autista di autobus
l'autista di autobus

il
tassista

il
farmacista

il
primo ministro

il
artista
l'artista

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

il
imprenditore
l'imprenditore

il
dentista

il
pompieri

la
assistente di volo
l'assistente di volo

il
programmatore

il
politico

il
architetto
l'architetto

la
maestra d'asilo

lo
scienziato

il
pubblico ministero

il
consulente

il
ragioniere

il
proprietario

la
guardia del corpo

il
direttore generale

il
soldato

il
guardia di sicurezza

il
cameriere

il
idraulico
l'idraulico

la
addetta alle pulizie
l'addetta alle pulizie

il
pescatore

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

il
addetto alla reception
l'addetto alla reception

il
contadino

il
elettricista
l'elettricista

il
parrucchiere

il
cassiere

il
postino

il
fotografo

il
giornalista

il
autore
l'autore

il
musicista

il
cantante

il
bagnino

il
allenatore
l'allenatore

il
inviato
l'inviato

il
attore
l'attore

il
arbitro
l'arbitro

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

lo
stress

lo
ufficio
l'ufficio

il
denaro

il
reparto

il
personale

la
assicurazione
l'assicurazione

la
lettera

il
indirizzo
l'indirizzo

il
salario

il
indirizzo email
l'indirizzo email

il
url
l'url

il
numero di telefono

la
firma

la
e-mail

il
sito web

il
cliente

il
profitto

la
perdita

la
password

la
carta di credito

il
importo
l'importo

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

la
sala riunioni

la
imposta
l'imposta

il
bancomat

le
risorse umane

il
reparto informatico

il
biglietto da visita

il
marketing

la
contabilità

il
reparto legale

il
datore di lavoro

il
collega

le
vendite

la
presentazione

la
nota

il
dipendente

il
proiettore

il
timbro

la
cartella

la
busta

il
francobollo

il
pacco

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

la
borsa valori

il
investimento
l'investimento

il
browser

il
interesse
l'interesse

la
moneta

la
banconota

il
conto bancario

il
numero di conto

il
prestito

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

la
macchina fotografica

il
apparecchio televisivo
l'apparecchio televisivo

il
telefono

il
climatizzatore

il
ventilatore

la
radio

la
aspirapolvere
l'aspirapolvere

il
tostapane

la
macchina del caffè

la
lavastoviglie

il
bollitore

il
asciugacapelli
l'asciugacapelli

il
microonde

il
forno

il
fornello

il
telecomando

la
lavatrice

il
frigo

la
tastiera

il
mouse

il
auricolare
l'auricolare

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

lo
scanner

la
penna usb

il
disco rigido

il
portatile

lo
schermo

la
stampante

il
altoparlante
l'altoparlante

il
robot